

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 13-05-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,128,532,000	99.24%
1	BMP	100	1.29%
2	BSI	100	0.40%
3	BWE	100	0.45%
4	CII	1,000	1.17%
5	CMG	200	0.60%
6	CTD	100	0.69%
7	CTR	100	0.82%
8	DBC	500	1.26%
9	DCM	300	0.89%
10	DGC	500	4.04%
11	DGW	300	0.88%
12	DIG	1,000	1.36%
13	DPM	400	1.19%
14	DSE	300	0.63%
15	DXG	1,600	2.29%
16	EIB	3,300	5.59%
17	EVF	1,600	1.37%
18	FRT	200	3.04%
19	FTS	400	1.35%
20	GEX	1,400	3.70%
21	GMD	800	3.79%
22	HAG	1,000	1.16%
23	HCM	800	1.83%
24	HDC	300	0.61%
25	HDG	400	0.85%
26	HHV	800	0.85%
27	HSG	1,100	1.45%
28	KBC	1,100	2.42%
29	KDC	300	1.48%
30	KDH	1,300	3.24%
31	MSB	4,900	4.91%
32	NAB	2,500	3.79%
33	NKG	800	0.87%
34	NLG	600	1.67%
35	NT2	200	0.33%
36	OCB	3,100	2.89%
37	PAN	300	0.63%
38	PC1	600	1.17%
39	PDR	900	1.31%
40	PHR	100	0.42%
41	PNJ	600	4.15%
42	POW	1,200	1.37%
43	PTB	100	0.45%
44	PVD	600	0.99%
45	PVT	400	0.78%
46	REE	300	1.82%
47	SBT	1,000	1.52%
48	SCS	100	0.53%
49	SIP	200	1.23%
50	SJS	200	1.60%
51	SZC	200	0.59%
52	TCH	800	1.27%
53	VCG	700	1.31%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
54	VCI	900	2.88%
55	VGC	100	0.40%
56	VHC	200	0.93%
57	VIX	2,900	3.21%
58	VND	2,400	3.18%
59	VPI	300	1.37%
60	VTP	100	1.00%
II.	Tiền/ Cash (VND)	8,639,014	0.76%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,137,171,014	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,128,532,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,137,171,014

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 8,639,014

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
OCB	11,660	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	86,460	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	75,900	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
HCM	28,600	HSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	26,125	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	40,095	VCSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 13-05-2025	Kỳ trước/Last period (**) 12-05-2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,400,000	28,400,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,110	11,180	-70
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	322,956,568,059	320,489,967,785	2,466,600,274
của một lô ETF/per Creation Unit	1,137,171,014	1,128,485,802	8,685,212
của một chứng chỉ quỹ/per Share	11,371.71	11,284.85	86.86
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,852.46	1,830.41	22.05

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 12/05/2025 /(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 12/05/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 11/05/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 11/05/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



LÊ HOÀNG ANH

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 14/05/2025